
Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, ông Hoàng Quốc T.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh M- Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng M - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2019/TLST- HS ngày 26/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/HSST - QĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Trương Thị D, tên gọi khác: Không, sinh năm 1992 tại xã N, thành phố N, tỉnh N.

Nơi cư trú: Thôn P 2, xã N, thành phố N, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Trương Văn B và bà Bùi Thị L; có chồng là An Văn Hạnh và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án: Tại bản án số 15/2018/HSST ngày 05/04/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Nho Quan xử phạt 04 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Hiện D đang được hoãn chấp hành hình phạt tù theo Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù số 01 ngày 06/6/2018 của TAND thành phố N.

Tiền sự: Không

Biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" .

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Vợ chồng anh chị: Nguyễn Hùng S, sinh năm 1974- Ngô Thị Đ, sinh năm 1981. Vắng mặt

Đều trú tại: Thôn Xuân Lai, xã Gia Tiến, huyện G, tỉnh N

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan :

1- Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1993- vắng mặt.

Trú tại: Thôn Q, xã N, huyện H, tỉnh N.

2- Ông Trần Đình B, sinh năm 1972- vắng mặt.

Trú tại: Số nhà 196, đường X, phường T, TP N, tỉnh N.

3- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984 - vắng mặt.
Trú tại: Thôn Khê Thượng, xã N, huyện L, tỉnh N.

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau: Trương Thị D làm nghề buôn bán hoa quả online qua mạng xã hội. Khoảng 08 giờ ngày 17/9/2019, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu FAVOUR màu xanh, biển kiểm soát 35B1 – 874.70 đi từ nhà đến nhà hàng Quế Vũ của anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984 ở thôn Khê Thượng, xã N, huyện L để thông báo không có quả bưởi bán cho nhà hàng. Đến nơi, D nghe thấy nhân viên của nhà hàng nói chuyện, nhà hàng đang tìm chỗ mua gà do người giao gà cho nhà hàng không có gà để cung cấp cho nhà hàng. Nghe vậy, D nảy sinh ý định tìm nơi bán gà để lừa lấy gà và bán cho nhà hàng Quế Vũ. Sau đó, D điều khiển xe mô tô BKS 35B1 – 874.70 đi theo đường Tràng An, thành phố N, trên đường đi D lấy trong túi áo ra 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng đeo vào ngón giữa tay trái mục đích tìm nơi bán gà rồi dùng chiếc nhẫn đặt lại làm tin để lừa người bán gà tin tưởng, sau đó chiếm đoạt gà. D điều khiển xe mô tô đi đến khu vực thôn X, xã G, huyện G thì nhìn thấy ở rìa đường đê có 01 tấm biển rao bán gà thịt của gia đình anh Nguyễn Hùng S, sinh năm 1974, trú tại thôn X, xã G, huyện G nên D đi theo biển chỉ dẫn vào nhà anh S. Tại đây, D gặp anh S và chị Ngô Thị Đ, sinh năm 1981 (là vợ anh S), D hỏi anh S: “*Anh có gà bán không?*”. Anh S nói có. D lại hỏi: “*Gà anh nuôi được mấy tháng rồi?*”, anh S nói: “*Gà này nuôi được bảy tháng, bán một trăm nghìn đồng một cân*”. D đồng ý mua gà với giá 100.000 đồng/kg. Anh S và chị Đ bắt cho D 18 con gà (gồm 15 con gà trống và 03 con gà mái) rồi buộc chân 02 con vào một, cân 18 con gà được 46kg nên thống nhất với D giá 18 con gà là 4.600.000 đồng, D đồng ý. Sau đó, cả ba người treo gà lên giá để hàng giữa xe mô tô của D. Lúc này, D rút điện thoại ra giả vờ nghe điện thoại và nói to: “*Anh bị Công an giao thông bắt à?*” mục đích để vợ chồng anh S nghe thấy. Sau đó, D nói với anh S: “*Chồng em bị công an giao thông bắt, giờ em đi lên giải quyết cho chồng em, em để lại chiếc nhẫn, chiều quay lại trả tiền và lấy nhẫn*” rồi D tháo chiếc nhẫn kim loại màu vàng (loại nhẫn mỹ ký) đang đeo ở ngón tay đưa cho anh S. Anh S cầm chiếc nhẫn và nói: “*Vậy phải để cả số điện thoại lại*”, anh S đọc số điện thoại của mình cho D để D sử dụng điện thoại của mình gọi vào số điện thoại anh S vừa đọc. Sau đó, D chở gà theo đường đê sông Hoàng Long ra Quốc lộ 1A về thành phố N, đến cửa hàng bán hoa quả tại số nhà 18, đường H, phường P, thành phố N của chị Trịnh Thị H, sinh năm 1993, trú tại thôn Q, xã N, huyện L, gặp chị H và thống nhất đưa cho chị H 09 con gà với giá 2.300.000 đồng để trừ số tiền D nợ chị H trước đó. Sau đó, D chở số gà còn lại về nhà thì thấy có 07 con gà đã bị chết nên D làm thịt 07 con gà này và đem đến nhà hàng Quế Vũ bán cho anh L với giá 700.000

đồng. Anh L đồng ý và đưa cho D số tiền 510.000 đồng, còn trừ nợ 190.000 đồng. Đến ngày 19/9/2019, D đem 02 con gà còn lại ra chợ Ròng thuộc phường V, thành phố N bán cho 01 người đàn ông không quen biết với giá 400.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được từ việc bán gà, D đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/KLGD-HĐ ngày 24/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận: 18 con gà ta, loại gà thịt có tổng khối lượng 46 kg mà Trương Thị D chiếm đoạt của gia đình anh Nguyễn Hùng S có tổng trị giá **4.140.000** đồng.

Ngày 20/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện G ra Quyết định trưng cầu giám định số 79 trưng cầu Công ty Cổ phần vàng bạc Toàn Cầu có trụ sở tại phường V, thành phố N giám định 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng để xác định chất liệu, trọng lượng, tính chất và thành phần của chiếc nhẫn. Tại Biên bản cân xác định khối lượng và kiểm định chất lượng vàng ngày 24/9/2019 tại Công ty Cổ phần vàng bạc Toàn Cầu xác định: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn hình tròn không có hàm lượng vàng.

Ngày 13/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện G ra Quyết định trưng cầu giám định số 88 trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng để xác định chất liệu, trọng lượng, tính chất và thành phần của chiếc nhẫn. Tại bản kết luận giám định số 6804/C09-P4 ngày 25/11/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng gửi giám định có khối lượng 7,42 gam là hợp kim của đồng (Cu), kẽm (Zn) và niken (Ni). Hàm lượng trung B Cu: 91,84%, Zn: 6,42%, Ni: 1,74%. Nhẫn có màu vàng do được mạ lớp vàng (Au) mỏng.

Quá trình điều tra vụ án bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 04/CT- VKS- GV, ngày 26/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Trương Thị D ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu FAVOUR màu xanh, BKS 35B1-874.70 đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là ông Trần Đình B.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định chuyển 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen loại bàn phím, không có vỏ ốp lưng, lắp số thuê bao 0941.902.320, 01 phong bì niêm phong ghi số 6804/C09-P4 do Viện khoa học hình sự - Bộ Công an bàn giao lại sau giám định, bên trong gồm 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo D, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về Bản cáo trạng và bản kết luận định giá tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ Điều 174 khoản 1; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự(BLHS). Xử phạt bị cáo Trương Thị D từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 15/2018/HSST ngày 05/04/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 5 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 BLHS; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen loại bàn phím, không có vỏ ốp lưng, lắp số thuê bao 0941.902.320; Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 6804/C09-P4 do Viện khoa học hình sự - Bộ Công an bàn giao lại sau giám định, bên trong gồm 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 357, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự(BLDS), buộc bị cáo Trương Thị D phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng anh chị Nguyễn Hùng S - Ngô Thị Đ số tiền là 4.600.000.000 đồng(Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự(BLTTHS). Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện: Do cần tiền tiêu sài và biết nhà hàng Quế Vũ của anh Nguyễn Văn L đang cần tìm chỗ mua gà nên D nảy sinh ý định tìm nơi bán gà để lừa lấy gà và bán cho nhà hàng Quế Vũ. Thực hiện ý định đó sáng ngày 17/9/2019, D điều khiển xe mô tô BKS 35B1 – 874.70 đến nhà vợ chồng anh chị Nguyễn Hùng S - Ngô Thị Đ ở thôn Xuân Lai, xã Gia Tiên, huyện G. Tại đây, D đặt vấn đề với anh S và chị Ngô Thị Đ về việc mua gà thịt. Sau khi giao dịch D đồng ý mua 18 con gà có khối lượng 46kg với giá 100.000 đồng/kg thành tiền là 4.600.000 đồng. Sau khi Anh S và

chị Đ bắt cho D 18 con gà và treo gà lên giá để hàng giữa xe mô tô của D. Lúc này, D rút điện thoại ra giả vờ nghe điện thoại và nói to: “*Anh bị Công an giao thông bắt à?*”. Sau đó, D nói với anh S: “*Chồng em bị công an giao thông bắt, giờ em đi lên giải quyết cho chồng em, em để lại chiếc nhẫn, chiều quay lại trả tiền và lấy nhẫn*” rồi D tháo chiếc nhẫn kim loại màu vàng (loại nhẫn mỹ ký) đang đeo ở ngón tay đưa cho anh S. Sau đó, D chở gà mang đi tiêu thụ lấy tiền tiêu sài và không quay lại trả tiền cho vợ chồng anh chị S- Đ.

Rõ ràng bị cáo đã sử dụng một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng trị giá không đáng kể đúng như bản kết luận giám định số 6804/C09-P4 ngày 25/11/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận nêu trên để đánh lừa chủ sở hữu nhằm chiếm đoạt 18 con gà có trị giá theo kết luận định giá số 26/KLGD-HĐ ngày 24/9/2019 của Hội đồng định giá kết luận là 4.140.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền L liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo và giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

[4] Bị cáo là người đã thành niên, có gia đình đang hoàng nhưng không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính. Chỉ vì mong muốn kiếm tiền bất chính để tiêu sài cá nhân dẫn đến phạm tội. Bị cáo đã L dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản có giá trị khá lớn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Thị D đang có 01 tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội. Do đó, bị cáo chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo và đang phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

Xét bị cáo có nhân thân xấu nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt. Hình phạt 4 năm tù của bản án số 15/2018/HSST ngày 05/04/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan bị cáo chưa chấp hành cần tổng hợp với hình phạt xét xử lần này để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định phải nuôi con còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong đơn yêu cầu về trách nhiệm dân sự, bị hại có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 4.600.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo chấp nhận mức tiền trên. Do đó cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả cho bị hại số tiền là 4.600.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen loại bàn phím, không có vỏ ốp lưng, lắp số thuê bao 0941.902.320 bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 01 phong bì niêm phong ghi số 6804/C09-P4 do Viện khoa học hình sự - Bộ Công an bàn giao lại sau giám định, bên trong gồm 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng là phương tiện thực hiện tội phạm không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu FAVOUR màu xanh, BKS 35B1-874.70 là do Trương Thị D thuê của ông Trần Đình B. Việc D thuê chiếc xe trên và sử dụng xe làm phương tiện đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ông B không biết. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại chiếc xe cho ông B là phù hợp.

Đối với 18 con gà ta, loại gà thịt, có tổng trọng lượng 46kg, sau khi chiếm đoạt được của gia đình anh Nguyễn Hùng S, Trương Thị D đã bán và trả nợ cho chị Trịnh Thị H, anh Nguyễn Văn L và một người đàn ông không rõ lai lịch. Sau khi mua gà, chị H và anh L đã bán cho khách qua đường, do đó không có căn cứ để thu hồi. Đồng thời chị H và anh L không biết số gà mà D bán là do D phạm tội mà có nên chị H và anh L không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo Bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trương Thị D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Thị D 18(mười tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 04 năm tù của bản án số 15/2018/HSST ngày 05/04/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan buộc bị cáo Trương Thị D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 5(năm) 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự : Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 357, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự(BLDS).

Buộc bị cáo Trương Thị D phải có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng anh Nguyễn HùngS- Ngô Thị Đ số tiền là 4.600.000 đồng(bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468BLDS.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự(BLTTHS).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen loại bàn phím, không có vỏ ốp lưng, lắp số thuê bao 0941.902.320.

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 6804/C09-P4 do Viện khoa học hình sự - Bộ Công an bàn giao lại sau giám định, bên trong gồm 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng (*Đặc điểm Chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G với Chi cục Thi hành án dân sự huyện G ngày 26/12/2019*).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trương Thị D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh N;
- CQĐT Công an huyện G;
- Thi hành án dân sự H. G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác ;
- Lưu HS, VP.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Q